

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2022.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Nga**.

2. Ông **Hoàng Luật**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Xuân Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Đào A B**, sinh năm: 1987.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị **Bùi Thị Cẩm H**, sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 18, ấp G, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Anh B và chị H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và đơn yêu cầu giải quyết, nguyên đơn anh Đào A B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Bùi Thị Cẩm H** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 (quyển 01/2012) ngày 01/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Đào Hồng Bảo Q, sinh ngày 01/01/2012 và Đào Tuấn K, sinh ngày 16/9/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do bận công việc, không thể đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt khi hòa giải và tại phiên tòa.

- Theo đơn yêu cầu giải quyết không cần hòa giải và biên bản ghi lời khai, bị đơn chị Bùi Thị Cẩm H trình bày:

Chị và anh Đào A B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 (quyển 01/2012) ngày 01/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không còn tình cảm, chị đã về nhà mẹ ruột ở và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên chị đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Đào Hồng Bảo Q, sinh ngày 01/01/2012, Đào Tuấn K, sinh ngày 16/9/2017. Khi ly hôn chị tự nguyện giao 02 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Bùi Thị Cẩm H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không cần hòa giải.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh B và chị H đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh B, cho anh B được ly hôn với chị H.

Về con chung: Các con chung đang sống cùng anh B và anh B yêu cầu được nuôi con chung, chị H đồng ý giao con cho anh B nuôi dưỡng nên đề nghị giao cả 02 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh B không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị H không phải thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Đào A B phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đào A B khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con đối với bị đơn chị Bùi Thị Cẩm H. Chị H có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Anh Đào A B và chị Bùi Thị Cẩm H là các đương sự trong vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3]. Về luật áp dụng: Anh B và chị H kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 01/12/2012. Nay anh B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị H thì căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 (quyển 01/2012) ngày 01/12/2012. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh B và chị H cùng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, không còn tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2018. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, cho anh B được ly hôn với chị H.

[2.2]. Về con chung: Anh B và chị H có 02 con chung là Đào Hồng Bảo Q, sinh ngày 01/01/2012 và Đào Tuấn K, sinh ngày 16/9/2017. Hiện hai con chung đang sống cùng anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị H cũng đồng ý giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng sau ly hôn, nên giao 02

con chung là Đào Hồng Bảo Q, sinh ngày 01/01/2012 và Đào Tuấn K, sinh ngày 16/9/2017 cho anh Đào A B trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Do anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Anh B và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Đào A B phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào A B. Anh Đào A B được ly hôn với chị Bùi Thị Cẩm H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đào Hồng Bảo Q, sinh ngày 01/01/2012 và Đào Tuấn K, sinh ngày 16/9/2017 cho anh Đào A B trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đào A B phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh B đã nộp theo biên lai thu số 0003296 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Anh B đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Anh Đào A B và chị Bùi Thị Cẩm H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hà